

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Mã ngành đào tạo: 738 01 07

HÀ NỘI - 2021

Số: 2262/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2021-2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2748/QĐ-ĐHLHN ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 3. Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HĐ Trường (để b/c);
- Đảng uỷ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Lưu: VT, ĐBCLĐT&KT.



1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật Kinh tế
- Tên tiếng Anh: Business law
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế
- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 738 01 07
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2021

2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

2.3. Giá trị cốt lõi

Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.

2.4. Triết lý giáo dục

Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân luật kinh tế có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, đủ điều kiện dự tuyển vào các

chương trình đào tạo sau đại học ngành Luật Kinh tế và các chuyên ngành Luật khác tại Việt Nam theo quy định.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- **G1:** Người học đạt được kiến thức nền tảng về pháp luật kinh tế và một số lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.

- **G2:** Người học nắm vững kiến thức về các lĩnh vực pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật quốc tế và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật của Việt Nam.

- **G3:** Người học có được khả năng nghiên cứu pháp luật và năng lực giải quyết hiệu quả các vụ việc pháp luật, trọng tâm là các vụ việc trong lĩnh vực kinh tế, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

- **G4:** Người học có kỹ năng nghiên cứu và thực hành nghề luật, trọng tâm là ngành luật kinh tế, góp phần đưa trường Đại học Luật trở thành trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật.

- **G5:** Người học được rèn luyện bản thân và hình thành tư chất con người pháp luật có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, đạo đức nghề nghiệp trong công việc, góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.

3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
5 mục tiêu cụ thể của CTĐT	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

	quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.		
Mục tiêu G1: Người học đạt được kiến thức nền tảng về pháp luật kinh tế và một số lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.	Nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.		Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu G2: Người học nắm vững kiến thức về các lĩnh vực pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật quốc tế và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là trường trọng điểm về đào tạo pháp luật của Việt Nam.		Nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật của Việt Nam.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu G3: Người học có được khả năng nghiên cứu pháp luật và năng lực giải quyết hiệu quả các vụ việc pháp luật, trọng tâm là các vụ việc trong lĩnh vực kinh tế đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.	- Khả năng nghiên cứu pháp luật. - Hội nhập quốc tế.		Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu G4: Người học có kỹ năng nghiên cứu và thực hành nghề luật, trọng tâm là ngành luật kinh tế góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành		Đưa Trường Đại học Luật trở thành trường trọng điểm về đào tạo pháp luật.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và

trường trọng điểm về đào tạo pháp luật.				phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu G5: Người học được rèn luyện bản thân và hình thành tư chất con người pháp luật có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, đạo đức nghề nghiệp trong công việc góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.		Góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

a) Yêu cầu về kiến thức

- **K1:** Kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại và cạnh tranh.
- **K2:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật lao động và an sinh xã hội.
- **K3:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật tài chính ngân hàng.
- **K4:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, bồi thường và giải phóng mặt bằng.
- **K5:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật môi trường, môi trường trong kinh doanh.
- **K6:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- **K7:** Nắm vững tri thức về một hoặc một số các lĩnh vực pháp luật hẹp và chuyên sâu như: hợp đồng trong thương mại, đầu tư.
- **K8:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán.
- **K9:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về quản trị nhân sự, pháp luật về quản trị công ty.
- **K10:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về bảo vệ quyền lợi người tiêu dung.
- **K11:** Nắm vững tri thức pháp luật thương mại quốc tế và kinh doanh xuất nhập khẩu.
- **K12:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về logistic, pháp luật về nhượng quyền thương mại, pháp luật về khởi nghiệp ...
- **K13:** Nắm vững kiến thức kinh tế học Mác – Lênin.
- **K14:** Nắm vững kiến thức về Lý luận về nhà nước và pháp luật.
- **K15:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp.

- **K16:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước.
- **K17:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về hành chính.
- **K18:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản dân sự.
- **K19:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hình sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.
- **K20:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hôn nhân và gia đình.
- **K21:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản công pháp quốc tế.
- **K22:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tư pháp quốc tế.
- **K23:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản kinh tế học, quản trị - kinh doanh, kinh tế - luật.
- **K24:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.
- **K25:** Có năng lực giải quyết công việc một cách hiệu quả và sáng tạo, kể cả một số công việc phức tạp trong lĩnh vực luật kinh tế cũng như các lĩnh vực khác có liên quan.
- **K26:** Có năng lực của cố vấn pháp lý trong doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.
- **K27:** Có năng lực soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; phân tích và đưa ý kiến về chiến lược kinh doanh; giải quyết các vấn đề về thuế, chi phí trong kinh doanh.

b) Yêu cầu về kỹ năng

- **S28:** Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối liên hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản tới phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.
- **S29:** Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.
- **S30:** Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn độc lập để giải quyết các tình huống.
- **S31:** Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý, phản biện và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.
- **S32:** Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.
- **S33:** Kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong nghề luật.
- **S34:** Kỹ năng liên tục tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; cập nhật, ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.
- **S35:** Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.
- **S36:** Kỹ năng làm việc nhóm, hướng dẫn, giám sát và phối hợp với các đồng nghiệp trong xử lý công việc.
- **S37:** Kỹ năng giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, với cá nhân, đơn vị, tổ chức khác.

thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc về pháp lý tại các cơ quan nhà nước khác;

- Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng gồm tư vấn, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, thương mại, quốc tế... tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại; cố vấn pháp lý, chuyên viên pháp lý của doanh nghiệp, chuyên viên pháp lý tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp; các vị trí việc làm khác thuộc lĩnh vực tư;

- Giảng dạy, nghiên cứu pháp luật gồm tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành luật kinh tế tại các cơ sở đào tạo luật (đối với các cử nhân luật tốt nghiệp loại khá trở lên); tham gia giảng dạy môn pháp luật đại cương và một số môn học khác thuộc lĩnh vực pháp luật như môn giáo dục công dân tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; tham gia nghiên cứu khoa học với tư cách là nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở nghiên cứu pháp luật khác.

e) Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể tiếp tục theo học:

- Khoá đào tạo các chức danh tư pháp (như thẩm phán, công chứng viên, chấp hành viên, luật sư, đấu giá viên...), các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề luật.

- Khoá đào tạo luật ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo luật trong nước và nước ngoài, nếu đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục đại học.

g) Các CTĐT, tài liệu, chuẩn mà Trường tham khảo

- Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, khung trình độ quốc gia, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- Một số chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo nước ngoài (Hoa Kỳ, Pháp, Thụy Điển, Nga, Trung Quốc, Singapore, ...) và trong nước. Cụ thể bao gồm:

**** Các chương trình đào tạo nước ngoài:***

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh của trường Đại học Tổng hợp Annamalay (Ấn Độ): Tham khảo các môn Luật Thương mại, Luật Ngân hàng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Môi trường, Luật Tài chính, Luật về bảo vệ người tiêu dùng, ...

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh của trường Đại học tổng hợp Bond (Australia): Tham khảo các môn Luật Tài chính, Luật Thương mại, Kinh tế vi mô, Luật Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng...

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh của trường Đại học tổng hợp Monash (Australia): Tham khảo với các môn Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Dân sự, Luật Hình sự - phần tội phạm kinh tế...

- **S38:** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng (một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung) ở mức có thể hiểu được các ý chính của một tài liệu hay bài phát biểu về các chủ đề liên quan đến pháp luật kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt một số tình huống pháp luật thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến pháp luật.

- **S39:** Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

c) Yêu cầu về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- **T40:** Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia nói chung và của một cố vấn pháp lý về kinh tế nói riêng.

- **T41:** Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.

- **T42:** Lòng tự trọng, tôn trọng người khác và tự chịu trách nhiệm cá nhân.

- **T43:** Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn.

- **T44:** Tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng và lợi ích của doanh nghiệp, công ty.

- **T45:** Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

- **T46:** Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

- **T47:** Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới.

- **T48:** Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc.

- **T49:** Tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc.

d) Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể đảm nhiệm được các vị trí việc làm thuộc các nhóm công việc: Thực hiện pháp luật; tư vấn pháp luật; giảng dạy và nghiên cứu pháp luật, trong đó:

- Thực hiện pháp luật gồm tham gia thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại các doanh nghiệp, công ty, bộ phận pháp chế của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp; của Quốc hội, Chính phủ; Ban Kinh tế Trung ương; Ban Nội chính Trung ương, Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự; trung tâm bán đấu giá; các công ty định giá, các văn phòng công chứng, cơ quan thuế, hải quan, kiểm lâm, quản lý thị trường; cơ quan cảnh sát kinh tế, an ninh kinh tế, bộ đội biên phòng, cơ quan cảnh sát môi trường; Ủy ban chứng khoán nhà nước, các sở giao dịch chứng khoán; các công ty đầu tư kinh doanh bất động sản; các ngân hàng thương mại, kho bạc; Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia; tham gia các công việc có liên quan đến pháp luật (đặc biệt là lĩnh vực pháp luật kinh tế) tại các cơ quan thông tấn, truyền

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Thương mại của trường Đại học Tổng hợp Curtin (Thụy Sĩ): Tham khảo với các môn Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, Luật Tài chính, Luật Thương mại quốc tế, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản, Luật Dân sự, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô...

*** Các chương trình đào tạo trong nước:**

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh doanh của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Thương mại của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Các tài liệu nghiên cứu chuyên sâu về chuẩn đầu ra đại học và về giáo dục đại học nói chung. Cụ thể:**

+ Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2015), *Đánh giá trong dạy học đại học*, NXB ĐHSP HN.

+ Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, NXB ĐHSP Hà Nội.

+ Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia.

+ Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh (2015), *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Lâm Quang Thiệp (2008), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Lâm Quang Thiệp (2008), *Trắc nghiệm và ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

+ Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc Nghiệm & Đo Lường Thành Quả Học Tập Phương Pháp Thực Hành*, NXB Phương Nam.

+ Lâm Quang Thiệp (2011), *Đo lường trong giáo dục: Lý thuyết và Ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia HN.

+ Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc (2017), *Kiểm tra đánh giá trong dạy học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

Chuẩn	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4	Mục tiêu G5
* Kiến thức					
K1: Kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại và cạnh tranh.	X		X	X	X
K2: Kiến thức chuyên sâu pháp luật lao động và an sinh xã hội.	X		X	X	X

K3: Kiến thức chuyên sâu pháp luật tài chính ngân hàng.	X		X	X	X
K4: Kiến thức chuyên sâu pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, bồi thường và giải phóng mặt bằng.	X		X	X	X
K5: Kiến thức chuyên sâu pháp luật môi trường, môi trường trong kinh doanh.	X		X	X	X
K6: Kiến thức chuyên sâu pháp luật về sở hữu trí tuệ.		X	X	X	X
K7: Nắm vững tri thức về một hoặc một số các lĩnh vực pháp luật hẹp và chuyên sâu như: hợp đồng trong thương mại, đầu tư.	X		X	X	X
K8: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán.	X		X	X	X
K9: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về quản trị nhân sự, pháp luật về quản trị công ty.	X		X	X	X
K10: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	X		X	X	X
K11: Nắm vững tri thức pháp luật thương mại quốc tế và kinh doanh xuất nhập khẩu.		X	X	X	X
K12: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về logistic, pháp luật về nhượng quyền thương mại, pháp luật về khởi nghiệp v.v...		X	X	X	X
K13: Nắm vững kiến thức kinh tế học Mác – Lênin.					X
K14: Nắm vững kiến thức về Lý luận về nhà nước và pháp luật.			X		X
K15: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp.		X	X		X
K16: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước.		X	X		X
K17: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về hành chính.		X	X	X	X
K18: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản dân sự.		X	X	X	X
K19: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hình sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.		X	X	X	X
K20: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hôn nhân và gia đình.		X	X	X	X
K21: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản công pháp quốc tế.		X	X		X

K22: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tư pháp quốc tế.		X	X	X	X
K23: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản kinh tế học, quản trị - kinh doanh, kinh tế - luật.	X		X		X
K24: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.	X		X		X
K25: Có năng lực giải quyết công việc một cách hiệu quả và sáng tạo, kể cả một số công việc phức tạp trong lĩnh vực luật kinh tế cũng như các lĩnh vực khác có liên quan.			X	X	X
K26: Có năng lực của cố vấn pháp lý trong doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.			X	X	X
K27: Có năng lực soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; phân tích và đưa ý kiến về chiến lược kinh doanh; giải quyết các vấn đề về thuế, chi phí trong kinh doanh.			X	X	X
* Kỹ năng					
S28: Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối liên hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản tới phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.			X		X
S29: Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.			X	X	X
S30: Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn độc lập để giải quyết các tình huống.			X	X	X
S31: Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.			X	X	X
S32: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.			X	X	X
S33: Kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong nghề luật.			X	X	X
S34: Kỹ năng liên tục tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; cập nhật, ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.	X	X	X	X	X

S35: Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.			X	X	X
S36: Kỹ năng làm việc nhóm, hướng dẫn, giám sát và phối hợp với các đồng nghiệp trong xử lý công việc.			X	X	X
S37: Kỹ giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, với cá nhân, đơn vị, tổ chức khác.			X	X	X
S38: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng (một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung) ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề liên quan đến pháp luật kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt một số tình huống pháp luật thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến pháp luật.			X	X	X
S39: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).			X	X	X
* Năng lực					
T40: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia nói chung và của một cố vấn pháp lý về kinh tế nói riêng.			X	X	X
T41: Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.			X	X	X
T42: Lòng tự trọng, tôn trọng người khác và tự chịu trách nhiệm cá nhân.			X	X	X
T43: Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn.			X	X	X
T44: Tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng và lợi ích của doanh nghiệp, công ty.			X	X	X
T45: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.			X	X	X
T46: Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.			X	X	X
T47: Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới.			X	X	X
T48: Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc.			X	X	X

T49: Tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc.			X	X	X
---	--	--	---	---	---

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

5.1. Khối tuyển sinh (Tổ hợp xét tuyển):

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT: lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH theo các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D05, D06.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Thi tuyển 02 môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của Chương trình đào tạo.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Xét tuyển theo các tổ hợp như tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy VB1 ngành Luật.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập văn bằng đại học thứ nhất.

- Hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học: Xét tuyển theo kết quả học tập trung cấp, cao đẳng pháp luật.

5.2. Các đợt tuyển sinh:

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: 02 đợt trong năm tuyển sinh.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Tuyển sinh liên tục trong năm.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Tuyển sinh liên tục trong năm.

- Hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học: Tuyển sinh liên tục trong năm.

5.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

5.4. Điều kiện tuyển sinh

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Thí sinh tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Thí sinh tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

- Hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học: Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng Pháp luật.

5.5. Phương thức tuyển sinh

- Hình thức đào tạo chính quy VB1:

+ Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài Truyền hình Việt Nam; các thí sinh đạt giải các kỳ thi quốc tế;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH hằng năm theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho ngành tuyển sinh;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ;

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Xét tuyển thẳng đối với các thí sinh có bằng tiến sĩ; thi tuyển 02 môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của Chương trình đào tạo.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT (theo tổ hợp xét tuyển).

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập văn bằng đại học thứ nhất.

- Hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập trung cấp, cao đẳng pháp luật.

5.6. Thời gian tuyển sinh

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Tuyển sinh từ tháng 01 đến tháng 12 hằng năm.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2 tuyển sinh hai đợt: Đợt 1 từ tháng 3 đến tháng 8; đợt 2 từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Tuyển sinh liên tục trong năm.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Tuyển sinh liên tục trong năm.

- Hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học: Tuyển sinh liên tục trong năm.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

6.1. Thông tin chung:

- Số tín chỉ: **129** tín chỉ (Không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

6.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

- Khối kiến thức bắt buộc : **84** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **65,12 %**

- Khối kiến thức tự chọn: **29** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **22,48 %**

- Khối kiến thức tốt nghiệp: **16** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **12,40%**

a) Khối kiến thức đại cương: **26** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **20,16 %** CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: **20** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **15,51 %** CTĐT

+ Kiến thức tự chọn: **6** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **4,65 %** CTĐT

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **87** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **67,44 %** CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: **64** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **49,61 %** CTĐT

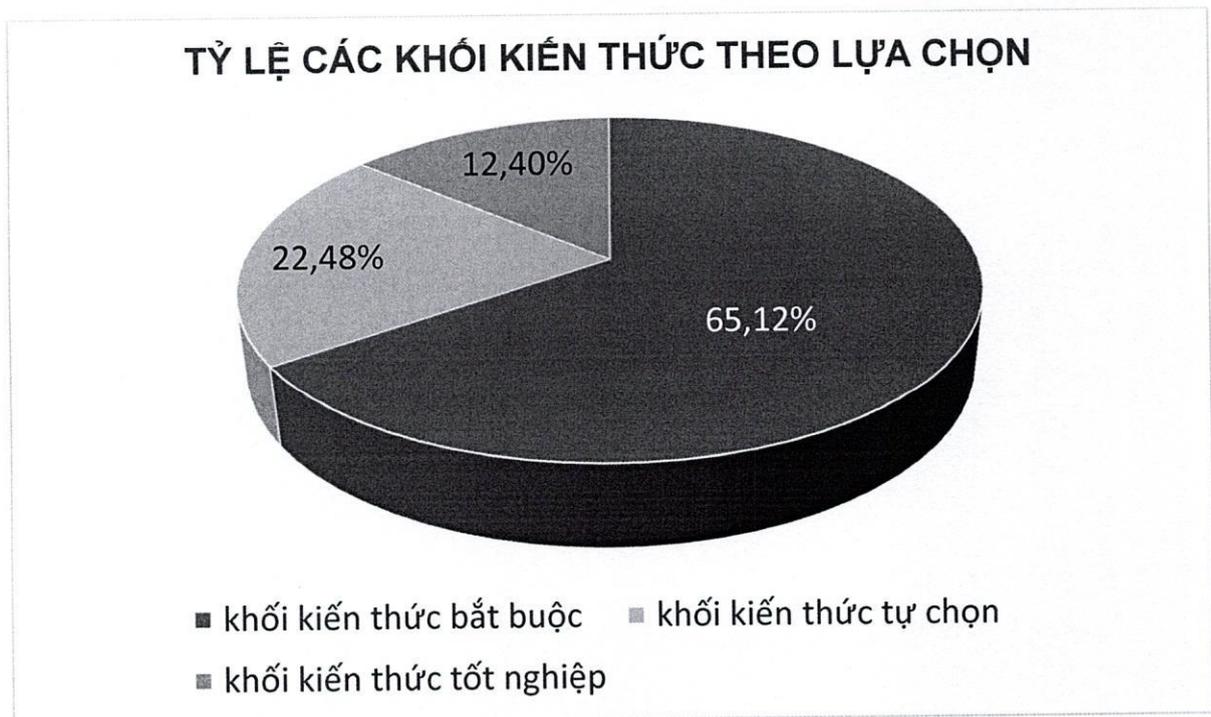
+ Kiến thức tự chọn: **23** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **17,82 %** CTĐT

c) Khối kiến thức tốt nghiệp: **16** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **12,40 %** CTĐT, trong đó:

+ Thực tập tốt nghiệp: 7 tín chỉ, chiếm tỷ lệ **5,42 %** CTĐT

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 9 tín chỉ, chiếm tỷ lệ **6,98%** CTĐT.

* Sơ đồ tỷ lệ các khối kiến thức:



6.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP (BB / TC)	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC				ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		Làm việc nhóm	Tự học	
					Lý thuyết	Seminar			
KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG									
1	Triết học Mác Lê-nin	ĐCBB01	BB	3	24 giờ TC	10 giờ TC	6 giờ TC	5 giờ TC	
2	Kinh tế chính trị Mác Lê-nin	ĐCBB02	BB	2	16 giờ TC	7 giờ TC	4 giờ TC	3 giờ TC	ĐCBB01
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐCBB03	BB	2	16 giờ TC	7 giờ TC	4 giờ TC	3 giờ TC	ĐCBB01 ĐCBB02
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	ĐCBB04	BB	2	16 giờ TC	7 giờ TC	4 giờ TC	3 giờ TC	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐCBB05	BB	2	16 giờ TC	7 giờ TC	4 giờ TC	3 giờ TC	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03
6	Ngoại ngữ học phần 1 (chọn 1 trong các tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) và Tiếng Việt Pháp lý (áp dụng cho sinh viên nước ngoài).	ĐCBB06	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	
7	Ngoại ngữ học phần 2 (trên cơ sở ngoại ngữ đã chọn ở học phần 1) và Tiếng Việt Pháp lý (áp dụng cho sinh viên nước ngoài).	ĐCBB07	BB	4	26 giờ TC	14 giờ TC	10 giờ TC	10 giờ TC	ĐCBB06
8	Tin học	ĐCBB08	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
9	Quản trị doanh nghiệp	ĐCTC01	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
10	Tài chính học	ĐCTC02	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
11	Tâm lý học đại cương	ĐCTC03	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
12	Nguyên lý kế toán	ĐCTC04	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
13	Xã hội học pháp luật	ĐCTC05	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
14	Văn hóa kinh doanh	ĐCTC06	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	
15	Logic học	ĐCTC07	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
16	Lý luận về nhà nước và pháp luật	LKT.BB01	BB	4	26 giờ TC	14 giờ TC	10 giờ TC	10 giờ TC	

17	Luật hiến pháp Việt Nam	LKT.BB02	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	
18	Kinh tế vi mô	LKT.BB03	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	
19	Kinh tế vĩ mô	LKT.BB04	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB03
20	Luật hành chính Việt Nam	LKT.BB05	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB01 LKT.BB02
21	Luật dân sự 1	LKT.BB06	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB01
22	Luật dân sự 2	LKT.BB07	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB06
23	Luật thương mại 1	LKT.BB08	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB06
24	Luật thương mại 2	LKT.BB09	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB08
25	Luật tố tụng dân sự	LKT.BB10	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB07
26	Luật lao động	LKT.BB11	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB06
27	Luật tài chính	LKT.BB12	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB05
28	Luật ngân hàng	LKT.BB13	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB12
29	Luật đất đai	LKT.BB14	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB05 LKT.BB06
30	Luật môi trường	LKT.BB15	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB05
31	Luật cạnh tranh	LKT.BB16	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB09
32	Luật an sinh xã hội	LKT.BB17	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB11
33	Luật sở hữu trí tuệ	LKT.BB18	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB07
34	Luật thương mại quốc tế	LKT.BB19	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB09
35	Luật kinh doanh bất động sản	LKT.BB20	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB14
36	Luật hình sự 1	LKT.BB21	BB	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB01
37	Xây dựng văn bản pháp luật	LKT.BB22	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB01 LKT.BB02 LKT.BB05
38	Công pháp quốc tế	LKT.BB23	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB02
39	Tư pháp quốc tế	LKT.BB24	BB	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB07
40	Kinh tế học pháp luật	CNTC01	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB04
41	Luật học so sánh	CNTC02	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB01 LKT.BB02

42	Pháp luật về lao động đặc thù	CNTC03	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB11
43	Luật hình sự 2	CNTC04	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB21
44	Nghề luật và phương pháp học luật	CNTC05	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
45	Luật hôn nhân và gia đình	CNTC06	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB07
46	Pháp luật cộng đồng ASEAN	CNTC07	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB23
47	Luật thi hành án dân sự	CNTC08	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB10
48	Luật tố tụng hình sự	CNTC09	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB21 CNTC04
49	Tiếng Anh pháp lý	CNTC10	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	ĐCBB07 là Tiếng Anh hoặc CC Tiếng Anh bậc 3/6 (B1) hoặc tương đương
50	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	CNTC11	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB06 LKT.BB07
51	Luật đầu tư	CNTC12	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB07 LKT.BB08
52	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	CNTC13	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB07 LKT.BB08
53	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	CNTC14	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB09 LKT.BB12
54	Luật kinh doanh bảo hiểm	CNTC15	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB07
55	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	CNTC16	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB24
56	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	CNTC17	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB14
57	Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp	CNTC18	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB08
58	Luật chứng khoán	CNTC19	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB12
59	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	CNTC20	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB07
60	Luật môi trường trong kinh doanh	CNTC21	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB15
61	Pháp luật về quản trị nhân sự	CNTC22	TC	3	18 giờ TC	12 giờ TC	8 giờ TC	7 giờ TC	LKT.BB11
62	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	CNTC23	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	
63	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	CNTC24	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB08

	trong hoạt động thương mại								
64	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	CNTC25	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB11 CNTC23
65	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản	CNTC26	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB20 CNTC23
66	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	CNTC27	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB12 CNTC23
67	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	CNTC28	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB08 CNTC23
68	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	CNTC29	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB05
69	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế (Moot Court Competition in International Trade and Business Law) ³	CNTC30	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB09 LKT.BB10 CNTC10
70	Luật Nhượng quyền thương mại quốc tế (Law on International Franchising) ⁴	CNTC31	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	LKT.BB09 CNTC10
71	Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật (Legal reasoning and writing skills)	CNTC32	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	CNTC10
72	Kỹ năng tranh tụng nghề luật (Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context)	CNTC30	TC	2	12 giờ TC	8 giờ TC	5 giờ TC	5 giờ TC	CNTC32
KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP									
73	Thực tập tốt nghiệp			7					
74	Viết khóa luận tốt nghiệp (Hoặc chọn học 9 TC các HP tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp)			9					

³ Dạy bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt theo lựa chọn của người học

⁴ Dạy bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt theo lựa chọn của người học

6.4. Điều kiện tốt nghiệp⁵

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

d) Có Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Tiến trình đào tạo hệ chính quy VB1: 129 tín chỉ.

HỌC KỲ (Tổng số tc)	HỌC PHẦN	MÃ HP	Đợt học trong HK	SỐ TC	LOẠI HP	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
HK1 18 tc (không tính giáo dục quốc phòng)	Triết học Mác Lê-nin	ĐCBB01	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Tin học	ĐCBB08	1 – 3	02	Bắt buộc		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	LKT.BB01	1 – 3	04	Bắt buộc		
	Luật hiến Pháp Việt Nam	LKT.BB02	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Kinh tế vi mô	LKT.BB03	1- 3	03	Bắt buộc		
	Ngoại ngữ HP1: chọn một trong các ngoại ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Tiếng Việt Pháp lý (áp dụng cho sinh viên nước ngoài).	ĐCBB06	1 -3	03	Bắt buộc		
	Giáo dục QP-AN						
HK2 17 tc (không tính giáo dục thể chất)	Kinh tế chính trị Mác Lê-nin	ĐCBB02	Đợt 1	02	Bắt buộc	ĐCBB01	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐCBB03	Đợt 2	02	Bắt buộc	ĐCBB01 ĐCBB02	
	Ngoại ngữ HP2 (chọn một trong các ngoại ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Tiếng Việt Pháp lý (áp dụng cho sinh viên nước ngoài).	ĐCBB07	1 – 3	03	Bắt buộc	ĐCBB06	

⁵ Thông tư 08/2021/BGD-ĐT

	Kinh tế vĩ mô	LKT.BB04	1 – 3	02	Bắt buộc	LKT.BB03	
	Luật hành chính Việt Nam	LKT.BB05	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB01 LKT.BB02	
	Luật dân sự 1	LKT.BB06	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB01	
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	ĐCBB04	Đợt 3	02	Bắt buộc	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03	
	Giáo dục thể chất						
HK3 18 tc	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐCBB05	1 – 3	02	Bắt buộc	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03	
	Luật dân sự 2	LKT.BB07	Đợt 1-3	02	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Luật thương mại 1	LKT.BB08	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Luật lao động	LKT.BB11	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Xây dựng văn bản pháp luật	LKT.BB22	1 -3	02	Bắt buộc	LKT.BB01 LKT.BB02 LKT.BB05	
	Phân tự chọn: Chọn 6 TC thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương			1 – 3	06	Tự chọn	
HK4 17 tc	Luật thương mại 2	LKT.BB09	1-3	02	Bắt buộc	LKT.BB08	
	Luật môi trường	LKT.BB15	1 -3	03	Bắt buộc	LKT.BB05	
	Luật tài chính	LKT.BB12	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB05	
	Luật đất đai	LKT.BB14	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB05 LKT.BB06	
	Phân Tự chọn: Chọn tối thiểu 6 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			1,2,3	06	Tự chọn	
HK5 17 tc	Luật ngân hàng	LKT.BB13	1 -3	03	Bắt buộc	LKT.BB12	
	Luật cạnh tranh	LKT.BB16	1 - 3	03	Bắt buộc	LKT.BB09	
	Luật hình sự 1	LKT.BB21	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB01	
	Luật thương mại quốc tế	LKT.BB19	1-3	02	Bắt buộc	LKT.BB09	
	Phân Tự chọn: Chọn tối thiểu 6 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			1,2,3	06	Tự chọn	
HK6 16 tc	Luật tố tụng dân sự	LKT.BB10	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB07	

	Luật an sinh xã hội	LKT.BB17	1 – 3	02	Bắt buộc	LKT.BB11	
	Công pháp quốc tế	LKT.BB23	1 - 3	02	Bắt buộc	LKT.BB02	
	Tư pháp quốc tế	LKT.BB24	1 - 3	02	Bắt buộc	LKT.BB07	
	Phần Tự chọn: Chọn tối thiểu 7 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		1,2,3	07	Tự chọn		
	Luật sở hữu trí tuệ	LKT.BB18	1-3	03		LKT.BB07	
	Luật kinh doanh bất động sản	LKT.BB20	1 – 3	02	Bắt buộc	LKT.BB14	
HK7 17 tc	Thực tập chuyên môn		1 - 3	07	Bắt buộc		
	Phần Tự chọn: Chọn tối thiểu 5 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		1,2,3	05	Tự chọn		
	1. Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện viết khóa luận theo quy định của trường.		1 - 3	09	Tự chọn		
HK8 09 tc	2. Phần Tự chọn: Chọn tối thiểu 09 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Áp dụng cho sinh viên không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng viết khóa luận theo quy định của trường			09	Tự chọn		

7.2. Tiến trình đào tạo hệ chính quy VB2: 109 tín chỉ⁶.

HỌC KỲ (Số tc)	HỌC PHẦN	MÃ HP	Đợt học trong HK	SỐ TC	LOẠI HP	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
HK1 23 tc	Lý luận về nhà nước và pháp luật	LKT.BB01	1 – 3	04	Bắt buộc		
	Luật hiến Pháp Việt Nam	LKT.BB02	1 – 3	03	Bắt buộc		
	Kinh tế vi mô	LKT.BB03	1- 3	03	Bắt buộc		
	Luật hành chính Việt Nam	LKT.BB05	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB01 LKT.BB02	

⁶ Được miễn khối kiến thức GDDC (phần bắt buộc)

	Luật dân sự 1	LKT.BB06	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB01	
	Luật hình sự 1	LKT.BB21	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB01	
	Phần tự chọn: Chọn 04 TC thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn)			04	Tự chọn		
HK2 23 tc (không tính Giáo dục thể chất)	Luật thương mại 1	LKT.BB08	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Luật dân sự 2	LKT.BB07	Đợt 1-3	02	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Luật môi trường	LKT.BB15	1 - 3	03	Bắt buộc	LKT.BB05	
	Kinh tế vĩ mô	LKT.BB04	1 – 3	02	Bắt buộc	LKT.BB03	
	Luật lao động	LKT.BB11	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Xây dựng văn bản pháp luật	LKT.BB22	1 - 3	02	Bắt buộc	LKT.BB01 LKT.BB02 LKT.BB05	
	Phần tự chọn: Chọn 6 TC thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp và 2 TC thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn)				08	Tự chọn	
HK3 23 tc	Luật thương mại 2	LKT.BB09	1-3	02	Bắt buộc	LKT.BB08	
	Luật an sinh xã hội	LKT.BB17	1 – 3	02	Bắt buộc	LKT.BB11	
	Luật tài chính	LKT.BB12	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Luật đất đai	LKT.BB14	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB06	
	Công pháp quốc tế	LKT.BB23	1 - 3	02	Bắt buộc	LKT.BB01	
	Luật sở hữu trí tuệ	LKT.BB18	1-3	03		LKT.BB07	
	Phần Tự chọn: Chọn 8 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			1,2,3	08	Tự chọn	
HK4 24 tc	Luật ngân hàng	LKT.BB13	1 - 3	03	Bắt buộc	LKT.BB12	
	Luật cạnh tranh	LKT.BB16	1 - 3	03	Bắt buộc	LKT.BB09	
	Tư pháp quốc tế	LKT.BB24	1 - 3	02	Bắt buộc	LKT.BB07	
	Luật thương mại quốc tế	LKT.BB19	1-3	02	Bắt buộc	LKT.BB09	
	Luật kinh doanh bất động sản	LKT.BB20	1 - 3	02	Bắt buộc	LKT.BB14	
	Luật tố tụng dân sự	LKT.BB10	1 – 3	03	Bắt buộc	LKT.BB07	

	Phần Tự chọn: Chọn 09 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	1,2,3	09	Tự chọn		
HK5 16 tc	1. Thực tập tốt nghiệp	1 - 3	07	Bắt buộc		
	2. Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện viết khóa luận theo quy định của trường.	1 - 3	09	Tự chọn		
	3. Tự chọn các học phần đủ 09 TC thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Áp dụng cho sinh viên không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng viết khóa luận theo quy định của trường			09	Tự chọn	

7.3. Tiến trình đào tạo hệ vừa làm vừa học

CTĐT ngành Luật Kinh tế hiện chưa đào tạo VB1 hình thức vừa làm vừa học, tiến trình đào tạo sẽ được công khai cho người học khi Trường triển khai tuyển sinh.

9. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					SEMINAR							THỰC HÀNH / TỰ HỌC		
		Thuyết trình	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Thuyết trình	Diễn án	Đóng vai	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiến tập	Đề án/Kết quả	Tự NC
1.	Triết học Mác – Lênin	X	X	X	X	X	X				X	X	X			
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X		X		X					X	X	X			X
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X		X		X				X	X	X			
4.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X		X		X				X	X	X			
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X		X	X					X	X			
6.	Ngoại ngữ học phần 1	X				X*							X			
7.	Ngoại ngữ học phần 2	X				X*							X			
8.	Tin học	X				X*			X				X			
9.	Quản trị doanh nghiệp	X			X*	X*	X				X		X			
10.	Tài chính học	X			X*	X*	X				X*		X			
11.	Tâm lý học đại cương	X			X*	X*					X		X			
12.	Nguyên lý kế toán	X			X*	X*	X				X		X			
13.	Xã hội học pháp luật	X	X		X	X	X			X	X	X		X	X	
14.	Văn hóa kinh doanh	X				X	X	X*	X*				X		X	
15.	Logic học	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X				
16.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X				X*					X*		X		X	
17.	Luật hiến pháp Việt Nam	X				X*	X						X		X	
18.	Kinh tế vi mô	X					X		X*	X	X	X		X		
19.	Kinh tế vĩ mô	X			X*	X*	X		X*	X	X	X		X		
20.	Luật hành chính Việt Nam	X			X*	X*		X*		X		X	X*	X		

21.	Luật dân sự 1	X			X*	X*	X		X*		X		X	X*	X	
22.	Luật dân sự 2	X			X	X*	X	X*	X	X*	X		X	X*	X	
23.	Luật thương mại 1	X				X*	X	X*	X*	X*	X		X		X	
24.	Luật thương mại 2	X			X*	X*	X	X*	X*	X*	X		X		X	
25.	Luật tố tụng dân sự	X			X*	X*	X	X*	X*	X*	X		X	X*	X	
26.	Luật lao động	X			X*	X*	X	X*	X*	X*	X		X		X	
27.	Luật tài chính	X			X*	X*			X*	X*	X		X		X	
28.	Luật ngân hàng	X			X*	X*	X		X*	X*	X*		X			
29.	Luật đất đai	X			X*	X*	X		X*		X		X		X	
30.	Luật môi trường	X			X	X*	X		X		X		X		X	
31.	Luật cạnh tranh	X			X*	X*	X		X*		X*		X		X	
32.	Luật an sinh xã hội	X			X	X*			X*		X		X		X	
33.	Luật sở hữu trí tuệ	X			X*	X*	X		X*		X		X		X	
34.	Luật thương mại quốc tế	X			X*	X*	X		X*		X		X		X	
35.	Luật kinh doanh bất động sản	X			X*	X*	X			X*	X		X		X	
36.	Luật hình sự 1	X			X*	X*	X		X*		X		X		X	
37.	Xây dựng văn bản pháp luật	X			X*	X*			X	X*	X		X			
38.	Công pháp quốc tế	X			X*	X*	X						X		X	
39.	Tư pháp quốc tế	X			X*	X*			X		X		X		X	
40.	Kinh tế học pháp luật	X				X*					X		X		X	
41.	Luật học so sánh	X				X*	X						X		X	
42.	Pháp luật về lao động đặc thù	X			X*	X*	X	X*	X*	X*	X		X		X	
43.	Luật hình sự 2	X			X	X*	X		X		X		X	X*	X	
44.	Nghề luật và phương pháp học luật	X	X		X		X			X		X				X
45.	Luật hôn nhân và gia đình	X			X*	X*	X		X*		X		X		X	
46.	Pháp luật cộng đồng ASEAN	X				X*	X				X*		X		X	
47.	Luật thi hành án dân sự	X			X*	X*			X*		X		X	X*	X	

48.	Luật tố tụng hình sự	X	X		X		X	X*	X			X			X	
49.	Tiếng Anh pháp lý	X			X	X	X		X			X	X		X	
50.	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	X	X		X		X			X	X	X	X			X
51.	Luật đầu tư	X			X*	X*			X*		X		X		X	
52.	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	X			X	X*			X*		X		X		X	
53.	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	X			X*		X		X*		X		X			
54.	Luật kinh doanh bảo hiểm	X			X	X	X	X*	X	X*	X		X		X	
55.	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	X			X*	X*	X				X		X		X	
56.	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	X			X*	X*	X	X*	X*		X		X		X	
57.	Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp	X			X*	X*	X				X		X		X	
58.	Luật chứng khoán	X			X*	X*			X*	X*	X*		X		X	
59.	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	X			X*	X*	X		X*		X*		X		X	
60.	Luật môi trường trong kinh doanh	X			X*	X*	X	X*	X		X		X		X	
61.	Pháp luật về quản trị nhân sự	X			X*	X*	X		X*		X*		X		X	
62.	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	X	X		X		X		X	X	X	X	X		X	X
63.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	X			X		X		X		X		X	X*	X	
64.	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	X			X	X*	X		X*		X		X	X*	X	

65.	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực bất động sản	X			X	X*			X		X		X	X*	X	
66.	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	X			X	X*			X		X		X	X*	X	
67.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	X*			X*	X*	X*		X*	X*	X*		X*	X*	X*	
68.	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	X			X	X*			X*	X*	X		X	X*	X	
69.	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế (Moot Court Competition in International Trade and Business Law)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X
70.	Luật nhượng quyền thương mại quốc tế (Law on International Franchising)	X			X	X	X				X		X		X	
71.	Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật (Legal reasoning and writing skills)	X					X			X	X					X
72.	Kỹ năng tranh tụng nghề luật (Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context)	X			X	X	X	X*	X	X*	X		X	X*	X	

10. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
	BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	ĐG nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
1. Triết học Mác – Lênin		X	X		X		X	X	
2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X		X		X			X	
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học		X	X		X			X	
4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		X	X		X			X	
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh		X	X		X		X		
6. Ngoại ngữ học phần 1	X		X		X		X		
7. Ngoại ngữ học phần 2	X		X		X		X		
8. Tin học	X		X		X				X
9. Quản trị doanh nghiệp		X	X		X			X	
10. Tài chính học		X	X		X			X	
11. Tâm lý học đại cương		X	X		X			X	
12. Nguyên lý kế toán		X	X		X			X	
13. Xã hội học pháp luật		X	X		X			X	
14. Văn hóa kinh doanh		X	X		X			X	
15. Logic học	X		X		X	X (VB2CQ)		X (VB1CQ)	
16. Lý luận về nhà nước và pháp luật	X		X		X	X			
17. Luật hiến pháp Việt Nam		X	X		X	X		X ⁸	
18. Kinh tế vi mô		X	X		X			X	
19. Kinh tế vĩ mô		X	X		X			X	
20. Luật hành chính Việt Nam	X		X		X	X		X	

⁸Tự luận hoặc vấn đáp

						(VB2CQ, Phân hiệu Đặc lặc)		(VB1CQ)	
21. Luật dân sự 1		X	X		X			X	
22. Luật dân sự 2		X	X		X			X	
23. Luật thương mại 1	X		X		X	X			
24. Luật thương mại 2		X	X		X	X (VB1CQ)		X (VB2CQ)	
25. Luật tố tụng dân sự		X	X		X			X	
26. Luật lao động		X	X		X	X (VB1CQ)		X (VB2CQ)	
27. Luật tài chính		X	X		X	X			
28. Luật ngân hàng		X	X		X	X			
29. Luật đất đai		X	X		X			X	
30. Luật môi trường	X		X		X			X	
31. Luật cạnh tranh		X	X		X			X	
32. Luật an sinh xã hội		X	X		X	X (VB1CQ)		X (VB2CQ)	
33. Luật sở hữu trí tuệ		X	X		X			X	
34. Luật thương mại quốc tế		X	X		X		X		
35. Luật kinh doanh bất động sản		X	X		X			X	
36. Luật hình sự 1	X		X		X			X	
37. Xây dựng văn bản pháp luật	X		X		X			X	
38. Công pháp quốc tế		X	X		X	X			
39. Tư pháp quốc tế		X	X		X			X	
40. Kinh tế học pháp luật		X	X		X				
41. Luật học so sánh		X	X		X			X	
42. Pháp luật về lao động đặc thù		X	X		X	X (VB1CQ)		X (VB2CQ)	
43. Luật hình sự 2	X		X		X			X	

44. Nghề luật và phương pháp học luật		X	X		X			X	
45. Luật hôn nhân và gia đình		X	X		X			X	
46. Pháp luật cộng đồng ASEAN		X	X		X			X	
47. Luật thi hành án dân sự		X	X		X			X	
48. Luật tố tụng hình sự	X		X		X			X	
49. Tiếng Anh pháp lý	X		X				X		
50. Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	X		X		X			X	
51. Luật đầu tư	X		X		X			X	
52. Hợp đồng trong hoạt động thương mại	X		X		X			X	
53. Pháp luật tài chính doanh nghiệp		X	X		X			X	
54. Luật kinh doanh bảo hiểm		X	X		X			X	
55. Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu		X	X		X			X	
56. Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng		X	X		X			X	
57. Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp		X	X		X	X		X	
58. Luật chứng khoán		X	X		X			X	
59. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		X	X		X			X	
60. Luật môi trường trong kinh doanh	X		X		X			X	
61. Pháp luật về quản trị nhân sự		X	X		X			X	
62. Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật		X	X		X			X	

63. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	X		X		X			X	
64. Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động		X	X		X			X	
65. Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực bất động sản		X	X		X			X	
66. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế		X	X		X			X	
67. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại		X	X		X			X	
68. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	X		X		X			X	
69. Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế (Moot Court Competition in International Trade and Business Law)		X	X		X			X	
70. Luật nhượng quyền thương mại quốc tế (Law on International Franchising)		X	X		X			X	
71. Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật (Legal reasoning and writing skills)		X	X		X			X	
72. Kỹ năng tranh tụng nghề luật (Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context)		X	X		X			X	

Lưu ý: Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học có thể được điều chỉnh theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo đại học của Trường.

11. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC:

1. *Triết học Mác- Lênin*

Học phần Triết học Mác-Lênin cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng của Triết học giúp chúng ta nhận biết được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

Thông qua môn học, người học biết được lịch sử hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin đối với đời sống xã hội. Cùng tìm hiểu và tư duy về các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng như mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và vấn đề nhận thức. Cùng tìm hiểu về các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử như: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội cho đến triết học về con người.

2. *Kinh tế chính trị*

Học phần Kinh tế chính trị cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của học thuyết Kinh tế chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; về những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thông qua những nội dung như: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học kiến thức kiến thức cơ bản, hệ thống của chủ nghĩa xã hội khoa học qua việc tìm hiểu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu của môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Cụ thể môn học cung cấp nội dung kiến thức như sau: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu rõ các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc lĩnh vực lịch sử tư tưởng, cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để thấm nhuần thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay.

Học phần đề cập đến những nội dung như: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi, điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và những giá trị, ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn cung cấp những nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước ở giai đoạn hiện nay.

6. Ngoại ngữ học phần 1

Ngoại ngữ học phần 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ. Sinh viên được chọn 1 trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Nhật, Đức và Tiếng Việt pháp lý - áp dụng cho sinh viên nước ngoài.

Học phần cung cấp nội dung về ngữ pháp, từ vựng sử dụng trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng cần thiết, rèn luyện cho người học đầy đủ 4 kỹ năng nghe – nói - đọc – viết với yêu cầu ở trình độ tiền trung cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà trường.

7. Ngoại ngữ học phần 2

Ngoại ngữ học phần 2 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (đã chọn học) là sự tiếp nối của ngoại ngữ học phần 1.

Học phần tiếp tục cung cấp các nội dung về ngữ pháp, từ vựng sử dụng trong giao tiếp và thương mại, pháp lý, rèn luyện cho người học đầy đủ các kỹ năng nghe – nói - đọc – viết ở trình độ yêu cầu cao hơn Ngoại ngữ học phần 1. Trường hợp sinh viên chọn học Tiếng Anh, học phần Tiếng Anh học phần 2 còn trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng làm bài thi tiếng Anh theo chuẩn TOEIC phù hợp với yêu cầu đầu ra của Nhà trường.

8. Tin học

Học phần Tin học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, giúp người học nắm được các kỹ thuật cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong công việc và đời sống.

Học phần yêu cầu người học nắm được các cách thức sử dụng máy tính cơ bản như quản lý thư mục và tệp, sử dụng Tiếng Việt đến một số phần mềm tiện ích. Rèn luyện thành thục các kỹ năng xử lý văn bản cơ bản, sử dụng và thao tác với bảng tính, ô tính, trang tính cùng một số hàm tính cơ bản. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng xây dựng bài báo cáo, thuyết trình bằng PowerPoint. Hơn thế người học còn được hướng dẫn cách sử dụng internet cơ bản, cách tìm kiếm tài liệu trên web hay vào ứng dụng thư điện tử.

9. Quản trị doanh nghiệp

Học phần Quản trị doanh nghiệp cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về phương pháp luận trong việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của tổ chức doanh

nghiệp trong nền kinh tế. Đồng thời giúp cho người học thấy rõ được cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị cũng như các nghiệp vụ quản trị trong doanh nghiệp, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ngày một cao hơn.

Nội dung học phần bao gồm các vấn đề cơ bản như: Giới thiệu chung về quản trị doanh nghiệp; nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức của quản trị doanh nghiệp; giám đốc và vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản trị doanh nghiệp; thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; tổng quan về điều hành, quản trị kết quả kinh doanh và đổi mới trong quản trị doanh nghiệp.

10. Tài chính học

Học phần Tài chính học được xây dựng trên nền tảng những tri thức khoa học kinh tế đã tổng kết trong lĩnh vực phân phối và phân phối lại của cải xã hội dưới hình thái giá trị. Học phần này sẽ cung cấp những tri thức kinh tế-tài chính mang tính nền tảng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính gắn với các luật như: Luật ngân sách nhà nước, Luật ngân hàng nhà nước, Luật chứng khoán, Luật bảo hiểm...

Học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản sau: Tài chính và hệ thống tài chính; Thị trường tài chính; Trung gian tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp và dòng tài chính quốc tế.

11. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các tiến trình tinh thần và hành vi, kể cả hành vi kinh tế của con người, bao gồm: lĩnh vực vô thức, lĩnh vực ý thức, các quá trình nhận thức, cảm xúc, chú ý, hành động, ý chí và nhân cách. Học phần giúp người học hình thành kỹ năng phân tích tâm lý và hành vi, các kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng kiểm soát cảm xúc v.v, là tiền đề để người học thành công trong cuộc sống cũng như trong quá trình hành nghề sau này.

12. Nguyên lý kế toán

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần nền tảng, cơ sở quan trọng của khoa học kế toán nói riêng và khoa học quản lý kinh tế nói chung, là kim chỉ nam xuyên suốt trong quá trình xây dựng hệ thống pháp lý về kế toán, cũng như trong việc nghiên cứu và thực hành kế toán. Học phần này sẽ cung cấp cho người học những tri thức kế toán mang tính nền tảng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực kế toán, tài chính gắn với các luật, như: Luật kế toán, Luật ngân sách nhà nước, Luật ngân hàng nhà nước, Luật chứng khoán, Luật bảo hiểm...

13. Xã hội học pháp luật

Học phần Xã hội học pháp luật là học phần của ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật.

Học phần giúp người học phân tích, đánh giá tình hình, thực trạng và bản chất của các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong đời sống pháp luật. Xã hội học pháp luật

cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay.

14. Văn hóa kinh doanh

Học phần Văn hoá kinh doanh là học phần cung cấp cho người học nội dung của những kiến thức chung về văn hóa kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng các kiến thức về văn hóa trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

15. Logic học

Học phần Logic học - phân logic hình thức (trong chương trình chỉ nghiên cứu phần này) là môn khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy nhằm nhận thức đúng đắn thế giới hiện thực khách quan. Học phần làm rõ bản chất của khái niệm tư duy và tư duy logic; đối tượng, phương pháp nghiên cứu, khái lược lịch sử và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học; cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm, kết cấu logic của các hình thức tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận; phân tích và chứng minh các thao tác, các quy tắc logic; làm rõ nội dung, cơ sở khách quan, yêu cầu và ý nghĩa của quy luật tư duy logic; làm rõ về bản chất và vai trò của giả thuyết, chứng minh, bác bỏ. Ngoài ra, trong mỗi vấn đề, khi học xong phần lí thuyết đều có sự vận dụng những kiến thức logic vào cuộc sống, nhất là vận dụng trong lĩnh vực hoạt động pháp luật.

16. Lý luận về nhà nước và pháp luật

Học phần Lí luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật.

Nội dung chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; ý thức pháp luật.

17. Luật Hiến pháp Việt Nam

Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của khoa học luật hiến pháp Việt Nam, bao gồm: Quyền con người, quyền cơ bản của công dân (các quyền cơ bản hiến định), tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, tổ chức, hoạt động và giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương của Việt Nam.

Nội dung chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề như: tìm hiểu về vấn đề lí luận cơ bản về luật hiến pháp và hiến pháp cho đến những quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hơn thế người học còn biết được cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước và các cơ quan nhà nước.

18. Kinh tế vi mô

Học phần Kinh tế vi mô là một bộ phận của kinh tế học dựa trên các lí thuyết kinh tế hiện đại có tính ứng dụng cao đã được giảng dạy phổ biến ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển trong hơn nửa thế kỉ qua. Học phần nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu thế vận động của các hiện tượng, các quy luật kinh tế thị trường. Thông qua việc phân tích, tìm hiểu hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường để xây dựng hệ thống các lí thuyết, các mô hình kinh tế nhằm giải thích và làm rõ bản chất của các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã, đang và sẽ diễn ra trong nền kinh tế thị trường. Cùng với các lí thuyết là các mô hình kinh tế được xây dựng, khái quát như: Mô hình về sự lựa chọn kinh tế tối ưu; mô hình tối đa hoá lợi ích cho người tiêu dùng trong lựa chọn hàng hoá tiêu dùng; mô hình về lựa chọn đầu vào của người sản xuất; mô hình quyết định cung ứng sản lượng tối ưu của doanh nghiệp...

19. Kinh tế vĩ mô

Học phần Kinh tế vĩ mô là học phần phân ngành của kinh tế học dựa trên lí thuyết kinh tế hiện đại có tính ứng dụng cao đã được giảng dạy phổ biến ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển trong hơn nửa thế kỉ qua.

Học phần nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước như tổng cung, tổng cầu, các yếu tố cầu thành tổng cầu, mối quan hệ giữa tổng cung - tổng cầu và sự tác động điều tiết của Nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô như: tạo công ăn việc làm; giảm lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng; giữ ổn định giá trị đồng tiền, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phân phối công bằng thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập, chính sách kinh tế đối ngoại) đồng thời phân tích các công cụ và cơ chế tác động của các chính sách đó trong nền kinh tế thị trường.

20. Luật hành chính Việt Nam

Học phần Luật hành chính Việt Nam là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lí hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lí vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lí hành chính nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lí chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tổ tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình.

21. Luật dân sự 1

Học phần Luật dân sự 1 là học phần cung cấp cho người học các vấn đề chung của luật dân sự giúp người học hiểu được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Học phần là sự tìm hiểu hệ thống các khái niệm về: Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; thay

đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự; tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, chế định thừa kế.

22. Luật dân sự 2

Học phần Luật dân sự 2 là học phần có nội dung đa dạng, nhận diện các quan hệ tài sản phổ biến trong xã hội, cung cấp cho người học những kiến thức chuẩn, toàn diện để người học có thể áp dụng được những kiến thức đã được học vào để giải quyết những vấn đề có liên quan phát sinh trong đời sống xã hội.

Học phần Luật dân sự 2 là sự tìm hiểu những khái niệm chung về nghĩa vụ; căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; quy định chung về hợp đồng; hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản; hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản; hợp đồng có đối tượng là công việc; nghĩa vụ ngoài hợp đồng; quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra; bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.

23. Luật thương mại 1

Học phần Luật thương mại 1 là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại.

Học phần Luật thương mại 1 sẽ cung cấp cho người học kiến thức về: Thương nhân và hoạt động thương mại; hiểu về bản chất pháp lí của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh; bản chất pháp lí của công ty hợp danh; bản chất pháp lí của công ty cổ phần; bản chất pháp lí của công ty trách nhiệm hữu hạn; thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lí về thành viên của doanh nghiệp; quy chế pháp lí về tổ chức quản lí doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; một số vấn đề pháp lí đặc thù về doanh nghiệp nhà nước; một số vấn đề pháp lí về nhóm công ty; quy chế pháp lí về hợp tác xã; khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản; cho đến các thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

24. Luật thương mại 2

Luật thương mại 2 là học phần tiếp nối Luật thương mại 1 cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về hành vi thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án. Theo đó, người học sẽ có kiến thức nền tảng và tư duy về pháp luật về mua bán hàng hoá; pháp luật về dịch vụ trung gian thương mại; pháp luật về dịch vụ xúc tiến thương mại; pháp luật về dịch vụ logistics và nhượng quyền thương mại; pháp luật về đấu giá hàng hoá và đấu thầu hàng hóa, dịch vụ; chế tài thương mại; những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại

25. Luật tố tụng dân sự

Học phần Luật tố tụng dân sự là học phần cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ,

quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

26. Luật lao động

Học phần Luật lao động là học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lí nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lí lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lí lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.

27. Luật tài chính

Học phần Luật tài chính là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật về tài chính công như pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam.

Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật thuế. Liên quan đến pháp luật về ngân sách nhà nước người học sẽ được tìm hiểu về: Khái niệm luật ngân sách Nhà nước; tổ chức hệ thống ngân sách Nhà nước; lập dự toán Ngân sách Nhà nước; chấp hành và quyết toán Ngân sách Nhà nước; quản lí quỹ NSNN. Liên quan đến pháp luật Thuế, người học sẽ được tìm hiểu khái quát về thuế và pháp luật thuế; pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt; pháp luật thuế giá trị gia tăng; pháp luật thuế thu nhập; pháp luật về thuế liên quan đến đất đai; pháp luật về các loại thuế khác; pháp luật về quản lí thuế.

28. Luật ngân hàng

Học phần Luật ngân hàng là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng, nội dung pháp lí chủ yếu trong kinh doanh ngân hàng và quản lí nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng.

Học phần sẽ cho người học cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngân hàng và luật ngân hàng; pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước; pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng; pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng; pháp luật về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng; pháp luật về dịch vụ thanh toán và pháp luật về hoạt động ngoại hối.

29. Luật đất đai

Học phần Luật đất đai cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chế độ sở hữu, chế độ quản lí đất đai ở Việt Nam, địa vị pháp lí của người sử dụng đất, quản lí và

sử dụng các loại đất, trình tự và thủ tục trong quản lý, sử dụng đất đai. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về thanh tra, giám sát; xử lý các vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

30. Luật môi trường

Học phần Luật môi trường là học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật, bao gồm những vấn đề lí luận về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường.

Luật môi trường là học phần thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà học phần này đề cập là một số vấn đề mang tính lí luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.

31. Luật cạnh tranh

Học phần Luật cạnh tranh cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh bằng cách kiểm soát những hành vi xâm phạm trật tự cạnh tranh. Theo đó người học sẽ được tìm hiểu pháp luật về kiểm soát những hành vi hạn chế cạnh tranh (thông qua các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền); pháp luật về kiểm soát hành vi tập trung kinh tế; pháp luật về kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Hơn thế người học còn được tìm hiểu về tố tụng cạnh tranh, các thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.

32. Luật an sinh xã hội

Học phần Luật an sinh xã hội (ASXH) cung cấp cho người học các vấn đề lí luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung cho hệ thống chính sách xã hội nhiều cấp độ để tất cả các thành viên trong xã hội đều được tương trợ, giúp đỡ ở mức độ hợp lí khi bị giảm, mất thu nhập hoặc gặp các rủi ro, khó khăn trong cuộc sống. Trên cơ sở đó, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội), giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần Luật ASXH còn nghiên cứu ở một mức độ nhất định quan điểm, quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về ASXH.

33. Luật sở hữu trí tuệ

Học phần Luật sở hữu trí tuệ (SHTT) bảo vệ các quyền tài sản và nhân thân của cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh. Bảo hộ quyền SHTT đã được chứng minh là công cụ đắc lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến. Việc công nhận và bảo vệ quyền SHTT nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật, kĩ thuật, đổi mới khoa

học, công nghệ, bảo đảm việc phân chia và sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ, hài hòa lợi ích giữa chủ thể sáng tạo, đầu tư và các chủ thể khác trong xã hội. Đào tạo về SHTT trong các trường đại học, đặc biệt là khối các trường đào tạo chuyên ngành luật đã trở thành xu hướng tất yếu hiện nay trên thế giới. Học phần luật SHTT nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành Luật Kinh tế những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền SHTT đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển các kĩ năng áp dụng pháp luật SHTT để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

34. Luật thương mại quốc tế

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Học phần bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và Luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế. Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ, thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và các hiệp định của WTO và GATS. Ngoài ra, môn học cũng nghiên cứu về quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO, pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, pháp luật về thanh toán quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

35. Luật kinh doanh bất động sản

Học phần Luật kinh doanh bất động sản cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản. Học phần cung cấp cho người học tổng quan chung về thị trường bất động sản và những đặc điểm riêng của thị trường bất động sản ở Việt Nam; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản. Học phần nghiên cứu về tổng quan thị trường bất động sản cũng như những vấn đề pháp lý về kinh doanh bất động sản. Các nội dung pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ bất động sản và hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

36. Luật hình sự 1

Học phần Luật hình sự 1 cung cấp cho người học lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt, là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Học phần này bao gồm những nội dung về khái niệm, nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam. Nguồn của luật hình sự Việt Nam gồm những nguồn cơ bản nào. Khi nghiên cứu về tội phạm cần làm rõ các yếu tố của tội phạm và cấu thành tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm. Ngoài ra người học còn cần phân tích và nắm được: các giai đoạn thực hiện tội phạm, quy định về đồng phạm, các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi

trên thực tiễn. Nội dung về chế định trách nhiệm hình sự và hình phạt và các chế định liên quan đến việc chấp hành hình phạt, cuối cùng là trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội.

37. Xây dựng văn bản pháp luật

Học phần Xây dựng văn bản pháp luật (VBPL) là môn khoa học pháp lý ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về VBPL và xây dựng VBPL, đặc biệt là kỹ năng soạn thảo VBPL.

Môn học được chia thành hai phần, phần lí thuyết tập trung giới thiệu những vấn đề xây dựng văn bản pháp luật theo từng loại văn bản với những nội dung như khái quát về VBPL, quy trình xây dựng VBPL, cách thức trình bày hình thức và nội dung của VBPL, cách thức kiểm tra, rà soát và xử lí VBPL. Phần thực hành thì trên cơ sở lí thuyết, môn học giúp sinh viên vận dụng giải quyết bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo VBPL thông dụng.

38. Công pháp quốc tế

Học phần Công pháp quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lí quốc tế...

Học phần Công pháp quốc tế (luật quốc tế) gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; nguồn của luật quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, dân cư trong luật quốc tế, lãnh thổ trong luật quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, luật quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giải quyết tranh chấp quốc tế, và trách nhiệm pháp lí quốc tế.

39. Tư pháp quốc tế

Học phần Tư pháp quốc tế cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho người học hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế. Cụ thể, môn học đưa ra cho người học những kiến thức cơ bản về tố tụng dân sự quốc tế, trọng tài quốc tế; quyền sở hữu tài sản trong tư pháp quốc tế; thừa kế trong tư pháp quốc tế; quyền tác giả và quyền liên quan trong tư pháp quốc tế; quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng trong tư pháp quốc tế; hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế.

40. Kinh tế học pháp luật

Kinh tế học pháp luật là một môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về cách sử dụng các khái niệm và lý thuyết kinh tế để tìm hiểu, phân tích, giải thích và vận dụng các quy định pháp luật. Môn học tập trung giải quyết việc phân tích khía cạnh kinh tế của một số lĩnh vực thuộc luật tư: luật hợp đồng, luật sở hữu, luật doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu tổng quan về kinh tế học pháp luật cũng như các khái niệm kinh tế học thông dụng trong phân tích kinh tế luật. Học phần đề cập tới ba nội

dung chính là kinh tế luật về sở hữu (lý thuyết Coase), kinh tế luật về hợp đồng và kinh tế luật về doanh nghiệp.

41. Luật học so sánh

Luật học so sánh cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm hai nhóm vấn đề chính là lý luận chung về luật học so sánh và các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới bao gồm một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình. Theo đó, có thể phân thành hai dòng họ pháp luật điển hình là dòng họ Civil Law và dòng họ Common Law. Người học được cung cấp các kiến thức về sự hình thành phát triển, cấu trúc và nguồn luật của các hệ thống pháp luật này, một số hệ thống pháp luật điển hình của hai dòng họ pháp luật này. Ngoài ra có thể đề cập tới dòng họ pháp luật xã hội chủ nghĩa và pháp luật ở các quốc gia chịu ảnh hưởng của đạo Hồi. Một nội dung nữa cũng được quan tâm đó là đào tạo luật và nghề luật ở các nước trên thế giới.

42. Pháp luật về lao động đặc thù

Học phần Pháp luật về lao động đặc thù là sự tiếp tục của Luật lao động Việt Nam, nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: lao động đặc thù, cho thuê lại lao động, lao động giúp việc gia đình, người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, học phần này cũng cung cấp các nghiên cứu về vấn đề lao động quốc tế và của khu vực.

43. Luật hình sự 2

Học phần Luật hình sự 2 cung cấp cho người học lý luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng tội cụ thể; là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Các nhóm tội phạm cụ thể được nghiên cứu bao gồm: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và các tội phạm về chức vụ. Đối với từng nhóm tội phạm này người học được nghiên cứu bản chất pháp lý, cấu thành hành vi, hậu quả pháp lý và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về từng loại tội phạm.

44. Nghề luật và phương pháp học luật

Học phần Nghề luật và phương pháp học luật giới thiệu cho sinh viên đại học hệ chính quy về tổng quan phương pháp học tập ở trường đại học, đặc biệt là phương pháp học tập theo hệ thống tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên một số phương pháp cần thiết cho việc học tập đạt hiệu quả tại Trường Đại học Luật Hà Nội (phương pháp tìm kiếm thông tin, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp viết bài luận, phương pháp thi kiểm tra, ...), giúp cho sinh viên tự tin, hứng thú học tập và đạt kết quả cao trong học tập. Bên cạnh các phương pháp học tập, sinh viên cũng được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp luật có thể đảm

nhận. Cuối cùng, học phần bước đầu trang bị cho sinh viên các quy tắc đạo đức mà mỗi người hành nghề luật phải tuân thủ.

45. Luật hôn nhân và gia đình

Học phần Luật hôn nhân và gia đình là một môn khoa học có tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Học phần gồm mười hai vấn đề với hai phần chính.

Phần lí luận giới thiệu các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Phần các chế định pháp lí cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; li hôn; giám hộ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

46. Pháp luật cộng đồng ASEAN

Học phần Pháp luật cộng đồng ASEAN cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lí chuyên ngành về ASEAN, cộng đồng ASEAN và pháp luật cộng đồng ASEAN, bao gồm: Hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; khu vực thương mại tự do ASEAN, khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá thương mại dịch vụ, tự do di chuyển lao động lành nghề, hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

47. Luật thi hành án dân sự

Học phần Luật thi hành án dân sự (THADS) cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về Luật THADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về Luật THADS; xã hội hoá THADS, các nguyên tắc cơ bản của Luật THADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lí vi phạm trong THADS.

48. Luật tố tụng hình sự

Học phần Luật tố tụng hình sự (TTHS) là môn khoa học pháp lí cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Học phần này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Học phần luật TTHS nghiên cứu

các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về tố tụng hình sự, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số quy định về thi hành án, quyết định của Tòa án chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

49. Tiếng Anh pháp lý

Học phần Tiếng Anh pháp lý bao gồm 20 bài học về các chủ đề: Hệ thống pháp luật, nguồn của luật (luật thành văn và án lệ), hệ thống toà án, tư pháp hình sự và tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, luật Liên minh Châu Âu, luật sư tư vấn, luật sư tranh tụng, thẩm phán, Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Luật hợp đồng và một số kỹ năng nghề luật như kỹ năng thư chăm sóc khách hàng, kỹ năng thư tín, kỹ năng giải thích phân tích, giải thích. Mỗi bài học cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ pháp lý quan trọng, đồng thời củng cố kiến thức ngữ pháp và tăng cường kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng nói theo từng chủ đề. Bên cạnh đó, sinh viên được luyện tập kỹ năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng Tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học. Các kiến thức ngữ pháp cơ bản thường dùng trong các văn bản pháp luật được củng cố sau mỗi bài học thông qua các bài tập thực hành.

50. Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

Học phần Pháp luật về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ là học phần tự chọn tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Học phần được kết cấu gồm 2 tín chỉ, trong lịch trình 5 tuần. Học phần bao gồm hai nội dung: một số vấn đề chung bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Học phần cung cấp các kiến thức về giao dịch bảo đảm với tính chất là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ được bảo đảm thì giao dịch bảo đảm có mối quan hệ vừa phụ thuộc, vừa độc lập. Pháp luật hiện hành của Việt Nam đã quy định cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, tín chấp là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; đã quy định về cơ chế đăng ký biện pháp bảo đảm.

51. Luật đầu tư

Học phần Luật đầu tư cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm: Hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Học phần được thiết kế giảng dạy theo chuyên đề, người học được tiếp cận các vấn đề về điều kiện để đầu tư, các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. Quy trình về thủ tục đầu tư trên thực tế gồm những bước nào và được phân loại đối với từng loại dự án, những hình thức đầu tư đặc biệt như đầu tư vào các khu kinh tế đặc. Người học cũng được phân biệt hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế với hoạt động đầu tư theo hợp đồng như hợp đồng BOO, BOT, BTO...

52. Hợp đồng trong hoạt động thương mại

Học phần Hợp đồng trong hoạt động thương mại cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản về các loại hợp đồng thương mại trên phương diện lý luận và thực tiễn áp

dụng, gồm có: Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch, hợp đồng mua bán doanh nghiệp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, hợp đồng dịch vụ pháp lí, hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng thành lập công ti, hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Cụ thể, học phần lựa chọn giảng dạy kiến thức về các hợp đồng đặc thù như hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá; hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; hợp đồng mua bán doanh nghiệp; hợp đồng nhượng quyền thương mại; hợp đồng dịch vụ pháp lí cho doanh nghiệp; hợp đồng thành lập công ti; và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

53. Pháp luật tài chính doanh nghiệp

Học phần Pháp luật tài chính doanh nghiệp (TCDN) cung cấp cho người học kiến thức có tính chất chuyên sâu về sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ TCDN, tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lí tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Cụ thể giới thiệu tổng quan về vốn trong doanh nghiệp, pháp luật về huy động và sử dụng vốn của doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về doanh thu và các yếu tố ảnh hưởng tới doanh thu của doanh nghiệp, về các loại chi phí của doanh nghiệp, về lợi nhuận và phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc công khai thông tin TCDN và hoạt động tài chính khi tiến hành mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cũng là những nội dung được môn học giới thiệu tới người học.

54. Luật kinh doanh bảo hiểm

Học phần Luật kinh doanh bảo hiểm cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm - lĩnh vực hẹp của chuyên ngành Luật tài chính-ngân hàng.

Học phần cung cấp các kiến thức về địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh bảo hiểm, địa vị pháp lí của trung gian bảo hiểm bao gồm doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm; những vấn đề chung về sản phẩm bảo hiểm trong đó có pháp luật về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ.

55. Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu

Học phần Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu cung cấp cho người học kiến thức về pháp luật hải quan và nghiệp vụ hải quan thông qua nghiên cứu những quy định của điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên và những quy định của pháp luật hải quan Việt Nam hiện hành có đối chiếu so sánh với pháp luật hải quan một số nước trên thế giới và khu vực để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan, như xác định trị giá hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa... đối với hàng hóa XNK.

56. Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng

Học phần Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng cung cấp cho người học kiến thức pháp lý chuyên sâu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thông qua nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về đối tượng, phạm vi và điều kiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và phương thức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đặc biệt học phần cung cấp những vấn đề pháp lý chuyên

sâu về bồi thường đất và tài sản trên đất; chính sách hỗ trợ và tái định cư đối với người có đất bị thu hồi. Học phần trang bị cho người học một số kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có đất bị thu hồi và kỹ năng giải quyết một số vụ việc phát sinh trong thực tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

57. Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp

Học phần Quản lý tài sản trí tuệ (TSTT) trong doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về TSTT và quản lý TSTT trong doanh nghiệp; tạo lập, quản lý và phát triển TSTT; đăng ký, xác lập quyền SHTT; định giá TSTT; khai thác và thương mại hóa TSTT; bảo vệ TSTT của doanh nghiệp; bảo hộ TSTT của doanh nghiệp trong thương mại điện tử.

Học phần Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp hướng đến mục tiêu giúp người học nhận diện được TSTT trong doanh nghiệp và ý nghĩa của TSTT trong doanh nghiệp, nhận thức được hoạt động quản lý TSTT trong doanh nghiệp; các điều kiện cơ bản để quản trị TSTT trong doanh nghiệp, vai trò của nó đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh; nắm được chiến lược trong tạo lập, quản lý và phát triển TSTT; trình tự, thủ tục trong đăng kí, xác lập quyền SHTT; các yêu cầu cơ bản đối với đơn đăng kí SHTT; các thủ tục sau đăng kí như sửa đổi, duy trì hiệu lực, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ; cách thức định giá TSTT; các hình thức khai thác quyền SHTT: Chuyển nhượng; chuyển quyền sử dụng; góp vốn; thế chấp... quyền SHTT; nắm được biện pháp bảo vệ mang tính phòng ngừa; các biện pháp bảo vệ quyền SHTT không có xâm phạm; điều kiện áp dụng đối với từng biện pháp.

58. Luật chứng khoán

Học phần Luật Chứng khoán cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lí chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.

Nội dung học phần gồm những vấn đề chính như pháp luật về chào bán chứng khoán; pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán. Vấn đề kinh doanh chứng khoán được nghiên cứu dưới các góc độ như chủ thể kinh doanh chứng khoán, công ti đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán. Ngoài ra còn có quy định pháp luật về quản lí nhà nước đối với thị trường chứng khoán và xử lí vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

59. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Học phần Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (NTD) cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD thông qua lĩnh hội được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD. Đặc biệt là nội dung liên quan đến nhận diện người tiêu dùng và đặc thù của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra còn có quy định về các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD. Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với NTD gồm 06 loại trách nhiệm cơ bản, nhằm nâng cao quyền của người tiêu dùng và đặt nặng nghĩa vụ cho các tổ chức cá nhân kinh doanh cũng như các chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD. Ngoài ra còn có các quy định về đặc thù trong phương thức giải

quyết tranh chấp giữa NTD và thương nhân. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh những ngoại lệ so với tổ tụng dân sự truyền thống để giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức cá nhân kinh doanh.

60. Luật môi trường trong kinh doanh

Học phần Luật môi trường trong kinh doanh cung cấp cho người học kiến thức về về bảo vệ môi trường bằng pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Nội dung đầu tiên được đề cập là các vấn đề lý luận về pháp luật môi trường trong kinh doanh. Sau đó là những nội dung liên quan đến các công cụ kinh tế và vai trò của nó đối với hoạt động kinh doanh và quản lý đối với hoạt động kinh doanh. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các vấn đề của pháp luật môi trường trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như pháp luật môi trường trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu; pháp luật môi trường trong hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và hoạt động xây dựng; pháp luật môi trường trong hoạt động giao thông vận tải và hoạt động xuất, nhập khẩu; pháp luật môi trường trong hoạt động du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ khác.

61. Pháp luật về quản trị nhân sự

Học phần Pháp luật về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp là môn học pháp lý ứng dụng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp nói chung và kỹ năng xây dựng công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực; tuyển dụng, bố trí lao động; đào tạo, phát triển, đánh giá nhân sự; chế độ thù lao, khuyến khích tài chính.

62. Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật

Học phần Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật chuyên ngành.

63. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại

Học phần Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại (HĐTM) cung cấp cho người học các khía cạnh pháp lý và những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại. Học phần được thiết kế gồm tổng quan về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại. Sau đó, đi sâu phân tích các kỹ năng về nguyên tắc, kiểu, hình thức và các giai đoạn đàm phán trong HĐTM; khái quát về văn bản hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo HĐTM; cách thức soạn thảo HĐ trong HĐTM và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo HĐ trong HĐTM. Cuối cùng là học phần đưa kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại để người học thực hành.

64. Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động

Học phần Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn về hợp đồng trong lĩnh vực lao động. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về tư vấn các loại hợp đồng trong lĩnh vực lao động nói

chung và kỹ năng tư vấn từng loại hợp đồng trong lĩnh vực lao động nói riêng như hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hợp đồng cho thuê lại lao động.

65. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản giúp cho người học nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực bất động sản xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế từ đơn giản đến phức tạp, bao gồm:

(1) Trang bị cho sinh viên kỹ năng để tư vấn cho các chủ thể sử dụng đất trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền thực hiện các quyền chuyển quyền sử dụng đất, quyền khiếu nại, tố cáo về các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, các quyền và lợi ích hợp pháp cần bảo vệ khi Nhà nước thu hồi đất.

(2) Trang bị cho sinh viên biết vận dụng các kỹ năng, kinh nghiệm thực tế và kiến thức pháp lý để tư vấn pháp lý cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trong việc tiếp cận đất đai từ Nhà nước và từ thị trường để thực hiện dự án đầu tư; các quy trình, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư; tư vấn trong việc vận dụng các chính sách, pháp luật của Nhà nước (đặc biệt là chính sách ưu đãi đầu tư) để tư vấn cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư lựa chọn các giải pháp tài chính phù hợp, hiệu quả trong quá trình sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư.

(3) Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong việc thương lượng, đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực đất đai.

(4) Trang bị cho sinh viên các kỹ năng đại diện cho các đương sự khi tham gia tranh tụng tại tòa hoặc làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người sử dụng đất.

(5) Trang bị cho sinh viên kỹ năng soạn thảo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong lĩnh vực đất đai.

Học phần Tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản nhằm hướng tới trang bị cho sinh viên sau khi ra trường có kỹ năng và kiến thức cần thiết trong lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan để làm việc được trong các công ty tư vấn luật, các văn phòng luật sư, các văn phòng công chứng, các trung tâm trợ giúp pháp lý, làm pháp chế cho các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế, các cơ quan nhà nước v.v.

66. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế cung cấp cho người học về kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp và cá nhân. Các kỹ năng này được thực hành trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và tối ưu các khoản tiết kiệm thuế. Ngoài nội dung

lí luận về tư vấn pháp luật thuế, học phần đưa ra các kỹ năng cần thiết theo từng mảng tư vấn thuế khác nhau bao gồm: Tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp; tư vấn pháp luật thuế cho cá nhân và tư vấn pháp luật về thủ tục hành chính và tố tụng trong lĩnh vực thuế.

67. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn về pháp luật trong lĩnh vực thương mại và đầu tư. Học phần cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại nói chung và kỹ năng tư vấn từng loại việc cụ thể trong lĩnh vực thương mại nói riêng, như: Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng; tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...

68. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng

Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng từ khái niệm, yêu cầu, chức năng... và kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình trong những tình huống cụ thể.

Học phần được chia thành 2 phần:

- Phần lí thuyết tập trung giới thiệu một số nội dung cơ bản về văn bản hành chính thông dụng, kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo, nội quy, quy chế, đề án, kế hoạch...
- Phần thực hành: Trên cơ sở lí thuyết được giới thiệu, sinh viên vận dụng và soạn thảo văn bản hành chính thông dụng để giải quyết các tình huống cụ thể.

69. Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế (Moot Court Competition in International Trade and Business Law)

Học phần Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế là học phần nâng cao kiến thức của sinh viên về các khía cạnh và lĩnh vực khác nhau của thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp kinh doanh. Đồng thời, học phần cũng cung cấp và đào tạo sinh viên các kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng viết bản luận cứ và tranh tụng trực tiếp thông qua việc tham gia vào các tình huống mô phỏng quy trình giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

Học phần Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế đào tạo sinh viên các kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng viết bản luận cứ và tranh tụng trực tiếp thông qua việc tham gia vào các tình huống, tờ trình, báo cáo giải quyết tranh chấp thương mại và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học tập để vận dụng vào các cuộc thi Phiên tòa giả định trong nước và quốc tế, cũng như vận dụng các kỹ năng trong công việc sau khi tốt nghiệp.

70. Luật nhượng quyền thương mại quốc tế (Law on International Franchising)

Học phần Luật nhượng quyền thương mại quốc tế cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bản chất, hoạt động và quy định của hoạt động nhượng quyền thương mại và

nhượng quyền thương mại quốc tế. Các vấn đề khác nhau giữa nhượng quyền thương mại nói chung và luật nhượng quyền thương mại Việt Nam cũng được nghiên cứu trong môn học này.

Học phần này gồm những nội dung cơ bản như sau: Lịch sử, phát triển, hoạt động và tầm quan trọng của nhượng quyền thương mại; môi trường pháp lý cho hoạt động nhượng quyền thương mại; các vấn đề pháp lý trong hợp đồng nhượng quyền thương mại trong mối quan hệ giữa bên nhượng quyền / bên nhận quyền và sự phát triển của cơ chế quản lý. Ngoài ra, còn nghiên cứu thêm nội dung về nhượng quyền thương mại quốc tế và nhượng quyền thương mại tại Việt Nam.

71. Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật (Legal reasoning and writing skills)

Học phần Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật là học phần về phương pháp luận pháp lý, không phải là một khoa học luật cơ bản. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các phương pháp lập luận và viết pháp lý hiện đại, đồng thời đào tạo cho học viên khả năng vận dụng các phương pháp đó trong các tình huống thực tiễn pháp lý. Các sinh viên sẽ được làm việc với các trường hợp thực tế và trong vai trò giống như luật sư.

72. Kỹ năng tranh tụng nghề luật (Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context)

Học phần Kỹ năng tranh tụng nghề luật là một học phần về phương pháp luận pháp lý, không phải là một học phần nghiên cứu pháp luật. Học phần cung cấp cho sinh viên khả năng trình bày lý luận pháp lý tranh tụng, bao gồm viết các bản ghi nhớ pháp lý và trình bày các lập luận trong tranh tụng. Sinh viên sẽ được làm việc với các tình huống thực tế trong vai trò là luật sư./

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Trung Kiên